

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 420/2023/DS-PT
Ngày: 10-8-2023
V/v tranh chấp: “Hợp đồng vay”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lâm Ngọc Tuyền.

Các Thẩm phán: Bà Đỗ Thị Minh Nguyệt.

Bà Nguyễn Thị Ánh Phương.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Duy Khanh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:**
Bà Bùi Thị Thanh Bạch - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 184/2023/TLST-DS ngày 03 tháng 7 năm 2023 về việc tranh chấp “Tranh chấp hợp đồng vay”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 47/2023/DS-ST ngày 14 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 664/2023/QĐ-PT ngày 10 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Phan Văn M, sinh năm 1952 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp B, xã T, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

- **Bị đơn:** Anh Trần Hoàng Q, sinh năm 1981 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp Q, xã T, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

Chị Phan Thị H, sinh năm 1982 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp B, xã T, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Ông Phan Văn T, sinh năm 1943 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp B, xã T, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

- **Người kháng cáo:** Nguyên đơn Phan Văn M, bị đơn Trần Hoàng Q.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Phan Văn M ủy quyền cho anh Nguyễn Duy C trình bày: Vào ngày 30/3/2018 do chỗ quen biết và là chú cháu nên ông Phan Văn M có cho ông Phan Văn T với vợ chồng anh Trần Hoàng Q và chị Phan Thị H mượn số tiền 150.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 2% mỗi tháng, thời hạn trả tiền là 03 tháng kể từ ngày 30/3/2018. Việc mượn tiền có làm biên nhận do ông Phan Văn M viết, ông Phan Văn T, chị Phan Thị H và anh Trần Hoàng Q có ký tên. Mục đích vay tiền là để làm ăn. Do ông Phan Văn T vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên vào ngày 28/12/2020 ông Phan Văn M có làm đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Phan Văn T trả lại cho ông M số tiền vốn 150.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 30/3/2018 đến ngày 14/5/2021 với mức lãi suất theo quy định pháp luật $1.67\% \times 37 \text{ tháng} \times 150.000.000 \text{ đồng} = 92.685.000 \text{ đồng}$, trừ 6.000.000 đồng tiền lãi ông M đã nhận, số tiền lãi còn lại là 86.685.000 đồng, ông M tự nguyện bớt phần lẻ chỉ yêu cầu ông T trả số tiền lãi là 86.000.000 đồng, tổng cộng số tiền ông M yêu cầu ông T trả là 236.000.000 đồng, yêu cầu trả một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật. Tại bản sơ thẩm số 41/2021/DS-ST ngày 17/5/2021 của Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy đã xử: “*Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phan Văn M. Buộc bị đơn ông Phan Văn T có nghĩa vụ trả cho ông Phan Văn M số tiền là 78.895.000 đồng (tiền vốn 50.000.000 đồng và tiền lãi là 28.895.000 đồng). Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phan Văn M về việc yêu cầu bị đơn ông Phan Văn T trả số tiền 157.105.000 đồng (tiền vốn 100.000.000 đồng và tiền lãi 57.105.000 đồng)*”. Bản án không có kháng cáo, kháng nghị nên đã có hiệu lực pháp luật. Như vậy, vợ chồng anh Trần Hoàng Q và chị Phan Thị H còn nợ ông Phan Văn M số tiền vốn là 100.000.000 đồng và tiền lãi. Ông Phan Văn M đã yêu cầu anh Q và chị H trả lại tiền còn thiếu nhưng đến nay họ vẫn chưa thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Do đó, nay ông Phan Văn M khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Trần Hoàng Q và chị Phan Thị H mỗi người phải có nghĩa vụ trả cho ông Phan Văn M 50.000.000 đồng tiền vốn và tiền lãi với mức lãi suất 1,67% tháng trên số tiền vốn 50.000.000 đồng tính từ ngày 30/3/2018 đến khi vụ án được đưa ra xét xử, trả làm một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Phan Thị H trình bày: Chị là con gái ruột của ông Phan Văn T, anh Trần Hoàng Q trước đây là chồng của chị, hiện tại chị với anh Q đã ly hôn vào 2019. Vào ngày 30/3/2018 chị và anh Q có đến nhà hỏi vay của ông Phan Văn M số tiền 150.000.000 đồng với mức lãi suất 2%/tháng, lãi đóng hàng tháng và thời hạn trả tiền như phía ông M trình bày. Khi vay, ông M có viết biên nhận, chị cùng với anh Q, ông T có ký tên vào. Mục đích vay số tiền này là để mua bán. Lúc vay tiền, thì ông M nói phải có ba của chị là ông T ký làm chứng thì ông M mới cho mượn tiền. Ông T có ký tên vào với tư cách người làm chứng chứ không phải người vay tiền. Thời điểm vay chỉ có mặt chị, anh Q, ông T và ông M. Từ khi vay đến nay, chị đã trả được cho ông M 09 tháng tiền lãi với số tiền tổng cộng là 27.000.000 đồng, chị

đưa tiền lãi cho anh Q đem xuống trả cho ông M. Lúc ông Phan Văn M làm đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Phan Văn T trả lại cho ông M số tiền vốn 150.000.000 đồng và tiền lãi chi có biết do Tòa có đưa chị vào tham gia tố tụng với tư cách người liên quan và số tiền lãi này đã được xem xét khi giải quyết trong vụ án này. Kết quả khi xử, tại bản sơ thẩm số 41/2021/DS-ST ngày 17/5/2021 Tòa án chỉ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Phan Văn M. Buộc ông Phan Văn T có nghĩa vụ trả cho ông Phan Văn M số tiền là 78.895.000 đồng (tiền vốn 50.000.000 đồng và tiền lãi là 28.895.000 đồng). Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phan Văn M về việc yêu cầu bị đơn ông Phan Văn T trả số tiền 157.105.000 đồng (tiền vốn 100.000.000 đồng và tiền lãi 57.105.000 đồng). Bản án không có kháng cáo, kháng nghị nên đã có hiệu lực pháp luật. Từ sau khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến nay, chị chưa trả được cho ông M số tiền vốn và lãi nào. Nay đối với yêu cầu khởi kiện của ông Phan Văn M, chị với anh Q đã ly hôn nên chị đồng ý trả cho ông M 50.000.000 đồng tiền vốn, đối với số tiền lãi chị đề nghị Tòa án áp dụng thời hiệu khởi kiện để giải quyết và xin trả dần số tiền vốn, mỗi tháng trả 1.000.000 đồng do hoàn cảnh gia đình khó khăn.

Tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Trần Hoàng Q trình bày: Trước đây, chị Phan Thị H là vợ của anh còn ông Phan Văn T là cha vợ của anh. Anh và chị H đã ly hôn vào năm 2019. Vào ngày 30/3/2018 anh có kí tên vào biên nhận do ông Phan Văn M lập nhưng chỉ kí tên để làm chứng cho việc chị Phan Thị H và ông Phan Văn T có vay tiền của ông Phan Văn M. Sau khi vay tiền từ ông M thì chị H và ông T sử dụng số tiền này, anh không sử dụng bất kì số tiền nào trong khoản tiền này. Lúc ông Phan Văn M làm đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Phan Văn T trả lại cho ông M số tiền vốn 150.000.000 đồng và tiền lãi, anh có biết do Tòa có đưa anh vào tham gia tố tụng với tư cách người liên quan. Trong quá trình giải quyết vụ kiện, ông Phan Văn M cũng đã khẳng định anh chỉ là người chứng kiến và kí tên vào biên nhận lập ngày 30/3/2018. Lúc ông M khởi kiện lần hai yêu cầu anh và chị Phan Thị H liên đới trả cho ông M 100.000.000 đồng và tiền lãi, tại phiên hòa giải ngày 22/12/2021 anh cũng trình bày anh chỉ kí tên chứ không nhận tiền mà ông Phan Văn T và chị Phan Thị H nhận tiền sử dụng nên anh không đồng ý trả nợ cho ông M, sau đó ông M rút đơn. Anh khẳng định anh không liên quan đến số tiền này, ông T là người trực tiếp vay tiền của ông M. Do đó, đối với yêu cầu khởi kiện của ông Phan Văn M trong vụ kiện này, anh không đồng ý do anh chỉ kí tên trong biên nhận với tư cách là người làm chứng, anh không có vay và cũng không sử dụng số tiền vay từ ông M.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phan Văn T vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và không có ý kiến phản bác.

* Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 10/2023/DS-ST ngày 03 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Tiền Giang đã Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 147, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố Tụng Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 357; Điều 166, Điều 429 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26 của Nghị quyết số:

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Phan Văn M.

Buộc chị Phan Thị H và anh Trần Hoàng Q mỗi người phải có nghĩa vụ trả cho ông Phan Văn M số tiền vốn vay 50.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phan Văn M về việc buộc anh Trần Hoàng Q và chị Phan Thị H mỗi người phải có nghĩa vụ trả cho ông Phan Văn M số tiền lãi của số tiền vốn 50.000.000 đồng với mức lãi suất 1,67% tháng tính từ ngày 30/3/2018 đến ngày 03/3/2023.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và quyền, nghĩa vụ thi hành án của các đương sự theo quy định pháp luật.

* Ngày 17/3/2023, nguyên đơn ông Phan Văn M có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm với nội dung: Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét, giải quyết chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông, cụ thể:

- Yêu cầu được xem xét việc thời gian không tính vào thời hiệu khởi kiện vụ án dân sự vì tôi đã khởi kiện trong hạn định nhiều lần;

- Yêu cầu Trần Hoàng Q phải trả cho tôi phần tiền lãi suất là 1,66%/tháng đối với số tiền gốc 50.000.000 đồng tính từ ngày 30/3/2018 đến khi Tòa án xét xử phúc thẩm;

- Yêu cầu trả làm một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

* Ngày 17/3/2023 bị đơn anh Trần Hoàng Q có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm yêu cầu không đồng ý trả số tiền 50.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm;

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo, bị đơn anh Trần Hoàng Q vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung kháng cáo: xét yêu cầu kháng cáo của anh Trần Hoàng Q: tại biên nhận ngày 30/3/2018 không thể hiện có người làm chứng, anh Q ký tên trong biên nhận với tư cách là người mượn tiền, do đó anh Q kháng cáo cho rằng anh không có mượn tiền không đồng ý trả là không có căn cứ chấp nhận.

Đối với yêu cầu kháng cáo của ông M: ông M khởi kiện ông T yêu cầu trả số tiền 150.000.000 đồng theo biên nhận ngày 30/3/2018, tại biên nhận không thể hiện trách nhiệm của ông T, Q, H mỗi người là vay 50.000.000 đồng, nhưng tại bản án số 41 ngày 17/5/2021 chỉ chấp nhận số tiền 50.000.000 đồng, không giải quyết số tiền 100.000.000 đồng dẫn đến ông M phải khởi kiện lại, khoảng thời gian trên là do trở ngại khách quan, nên không thể tính vào thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 156 Bộ luật dân sự. Án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu tính lãi của ông M cho rằng hết thời hiệu là không có căn cứ, ông M kháng cáo yêu cầu không tính thời hiệu và tính lãi là có căn cứ. Đề nghị sửa án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông M, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Q.

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm: người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Phan Văn T có đơn xin vắng mặt do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T là có căn cứ đúng quy định tại Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp: nguyên đơn ông M khởi kiện yêu cầu anh Q, chị H trả số tiền vốn vay 100.000.000 đồng còn nợ và tiền lãi, án sơ thẩm xác định yêu cầu khởi kiện của ông M là hết thời hiệu khởi kiện, nên xác định yêu cầu đòi lại số tiền 100.000.000 đồng là quan hệ đòi tài sản là chưa đúng, cần điều chỉnh lại quan hệ tranh chấp giữa ông M với bị đơn anh Q và chị H là tranh chấp hợp đồng vay tài sản có căn cứ đúng quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015.

[3] Về thủ tục tố tụng: án sơ thẩm thụ lý giải quyết tranh chấp giữa nguyên đơn ông M với bị đơn anh Q và chị H là đúng trình tự thủ tục quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Đơn kháng cáo của ông M, bị đơn anh Q đúng quy định tại Điều 272, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

[5] Về nội dung kháng cáo:

* Ngày 17/3/2023, nguyên đơn ông Phan Văn M có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm với nội dung: Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét, giải quyết chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông, cụ thể:

- Yêu cầu được xem xét việc thời gian không tính vào thời hiệu khởi kiện vụ án dân sự vì tôi đã khởi kiện trong hạn định nhiều lần;

- Yêu cầu Trần Hoàng Q, Phan Thị H phải trả cho tôi phần tiền lãi suất là 1,66%/tháng đối với số tiền gốc 50.000.000 đồng tính từ ngày 30/3/2018 đến khi Tòa án xét xử phúc thẩm;

- Yêu cầu trả làm một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

* Ngày 17/3/2023 bị đơn anh Trần Hoàng Q có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm yêu cầu không đồng ý trả số tiền 50.000.000 đồng.

[6] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn anh Trần Hoàng Q:

Căn cứ vào biên nhận ngày 30/3/2018 thể hiện: Vào ngày 30/3/2018 ông Phan Văn M có cho ông Phan Văn T, chị Phan Thị H và anh Trần Hoàng Q vay 150.000.000 đồng. Bị đơn anh Trần Hoàng Q khai anh có kí tên vào biên nhận ngày 30/3/2018 nhưng chỉ kí tên để làm chứng cho việc chị Phan Thị H và ông Phan Văn T có vay tiền của ông Phan Văn M. Anh Q không cung cấp được chứng cứ chứng minh anh chỉ kí tên vào biên nhận với tư cách người làm chứng, nội dung biên nhận lại không thể hiện có người làm chứng, trong biên nhận ngày 30/3/2018 thể hiện có mặt ông T, chị H, anh Q và anh Q là người ký tên vào phần người mượn. Anh Q là người biết chữ vào có đầy đủ năng lực để chịu trách nhiệm, do đó khi ký tên vào biên nhận phần người mượn thì phải ý thức được nghĩa vụ của người mượn tiền nhưng anh Q vẫn ký, thì nay anh Q phải chịu trách nhiệm về nghĩa vụ trả tiền của người mượn theo biên nhận ngày 30/3/2018. Tại phiên tòa phúc thẩm ông M trình bày khi ông T đến để mượn tiền, do ông T lớn tuổi nên ông không đồng ý cho ông T vay mà yêu cầu phải có con thì mới cho vay nên sau đó thì anh Q và chị H đến mới ký tên vào người mượn tiền ông mới cho vay và ông khởi kiện yêu cầu anh Q và chị H cùng trả tiền.

Hội đồng xét xử sơ thẩm buộc chị Phan Thị H và anh Trần Hoàng Q trả cho ông Phan Văn M số tiền vốn vay 100.000.000 đồng là có căn cứ phù hợp với các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án. Tuy nhiên án sơ thẩm tuyên buộc mỗi người phải có nghĩa vụ trả số tiền 50.000.000 đồng là chưa chính xác, vì theo biên nhận ngày 30/3/2018 thể hiện ông T, chị H, anh Q cùng mượn số tiền 150.000.000 đồng, không có xác định mỗi người mượn là 50.000.000 đồng, do đó đối với số tiền 100.000.000 đồng còn lại chưa giải quyết là tuyên buộc nghĩa vụ liên đới giữa anh Q và chị H trả số tiền 100.000.000 đồng.

Anh Q kháng cáo nhưng không cung cấp tài liệu chứng cứ nào mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo. Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Q.

[7] Xét yêu cầu kháng cáo của ông Phan Văn M - Yêu cầu được xem xét việc thời gian không tính vào thời hiệu khởi kiện vụ án dân sự vì tôi đã khởi kiện trong hạn định nhiều lần;

- Yêu cầu Trần Hoàng Q, Phan Thị H phải trả cho tôi phần tiền lãi suất là 1,66%/tháng đối với số tiền gốc 50.000.000 đồng tính từ ngày 30/3/2018 đến khi Tòa án xét xử phúc thẩm;

- Yêu cầu trả làm một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Ngày 13/01/2021 Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy thụ lý yêu cầu khởi kiện của ông Phan Văn M về việc yêu cầu bị đơn là ông Phan Văn T trả số tiền vay và lãi suất theo biên nhận ngày 30/3/2018, khi ông M đã khởi kiện yêu cầu trả nợ theo biên nhận ngày 30/3/2018 là còn trong thời hiệu khởi kiện. Khi giải

quyết Tòa án cấp sơ thẩm đưa chị Phan Thị H và anh Trần Hoàng Q vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Tại bản án sơ thẩm số 41 ngày 17/5/2021 đã xét xử nhận định biên nhận ngày 30/3/2018 thể hiện ông T, chị H, anh Q cùng mượn nên chịu trách nhiệm mỗi người trả cho nguyên đơn 1/3 số tiền 150.000.000 đồng, từ đó chỉ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông M là buộc ông T trả cho ông M 50.000.000 đồng, bác yêu cầu 100.000.000 đồng. Trong biên nhận ngày 30/3/2018 không thể hiện trách nhiệm theo phần, cũng không thể hiện là mỗi người mượn 50.000.000 đồng, mà biên nhận thể hiện ông T, Q, H cùng mượn số tiền 150.000.000 đồng, lẽ ra khi giải quyết cấp sơ thẩm đã đưa chị H, anh Q vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan thì cần buộc ông T, chị H, anh Q cùng liên đới trách nhiệm trả cho ông M số tiền 150.000.000 đồng, chứ không tách ra là mỗi người có trách nhiệm 50.000.000 đồng, nhưng do bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên đã phát sinh hiệu lực pháp luật. Chính do bản án sơ thẩm ngày 17/5/2021 nhận định dẫn đến ông M phải khởi kiện lại đối với số tiền 100.000.000 đồng, do đó khoảng thời gian trên là do trở ngại khách quan, nên không thể tính vào thời hiệu khởi kiện, mà bắt đầu lại thời hiệu khởi kiện từ ngày 17/5/2021, đến ngày 21/10/2022 ông M khởi kiện lại là còn trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 156 Bộ luật dân sự.

Án sơ thẩm nhận định yêu cầu khởi kiện của ông M về việc yêu cầu trả số tiền vốn 100.000.000 đồng và tiền lãi là đã quá thời hiệu khởi kiện, là chưa xem xét khoảng thời gian trở ngại dẫn đến hết thời hiệu khởi kiện của ông M là chưa có căn cứ. Do đó kháng cáo của ông M Yêu cầu được xem xét việc thời gian không tính vào thời hiệu khởi kiện vụ án dân sự vì đã khởi kiện trong hạn định nhiều lần là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với kháng cáo: yêu cầu Trần Hoàng Q, Phan Thị H phải trả phần tiền lãi suất là 1,66%/tháng đối với số tiền gốc 100.000.000 đồng tính từ ngày 30/3/2018 đến khi Tòa án xét xử phúc thẩm. Xét biên nhận 30/3/2018 thỏa thuận thời hạn trả là 3 tháng kể từ ngày vay, đến ngày 30/6/2018 là thời hạn trả nợ, khi vay giữa ông M với ông T, chị H, anh Q có thỏa thuận lãi suất là 2% tháng là vượt quá quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự. Ông M kháng cáo yêu cầu trả lãi suất là 1,66% là có căn cứ phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự. Tuy nhiên ông M yêu cầu trả lãi suất là 1,66% từ ngày vay 30/3/2018 cho đến ngày xét xử phúc thẩm là không có căn cứ, vì từ ngày 30/6/2018 cho đến ngày xét xử sơ thẩm là khoản thời gian chậm trả tiền, hai bên không có thỏa thuận về lãi suất chậm trả, do đó lãi suất chậm trả sẽ được thực hiện theo quy định tại khoản 2, Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự là 0,83% tháng.

Lãi suất anh Q và chị H phải trả: từ ngày 30/3/2018 đến 30/6/2018 là 3 tháng $(100.000.000 \text{ đồng} \times 1,66\%) \times 3 = 4.980.000 \text{ đồng}$.

Lãi suất từ ngày 01/7/2018 đến ngày 03/3/2023 là 56 tháng $(100.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\%) \times 56 = 46.480.000 \text{ đồng}$.

Tổng cộng lãi anh Q và chị H phải trả cho ông M là 51.460.000 đồng, tại bản án sơ thẩm số 41 ngày 17/5/2021 của Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang ông M có thừa nhận đã nhận 6.000.0000 đồng tiền lãi và được bản án xét xử trừ cho ông T số tiền lãi là 2.000.000 đồng, còn số tiền lãi 4.000.000 đồng được trừ vào số tiền lãi của anh Q, chị H phải trả. Do đó anh Q và chị H phải trả cho ông M số tiền lãi là 51.460.000 đồng – 4.000.000 đồng = 47.460.000 đồng.

[8] Các phần khác của án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị nên phát sinh hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[9] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định nêu trên nên được chấp nhận.

[10] Về án phí: do sửa án sơ thẩm nên các đương sự không phải chịu án phí phúc thẩm

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309, Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự.

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông Phan Văn M.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Trần Hoàng Q.

Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 10/2023/DS-ST ngày 03 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 147, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố Tụng Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 357; Điều 166, Điều 429 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Phan Văn M.

Buộc chị Phan Thị H và anh Trần Hoàng Q liên đới trả cho ông Phan Văn M số tiền vốn vay 100.000.000 đồng và 47.460.000 đồng tiền lãi, tổng cộng 147.000.000 đồng, thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Chị Phan Thị H và anh Trần Hoàng Q phải chịu 7.350.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Trần Hoàng Q không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, hoàn lại anh Q 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số

0018435 ngày 20/3/2023 của Cơ quan thi hành án dân sự thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND thị xã Cai Lậy;
- CCTHADS thị xã Cai Lậy;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lâm Ngọc Tuyên